| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CÁI RĂNG**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 103/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 22 – 11 – 2023
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** **:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên* tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Minh Chơn

Bà Lê Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Bích Trương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/11/2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Phan Ngọc T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Phường A, quận N, TP. Cần Thơ.

*Bị đơn:* Trương Thị Phương H, sinh năm: 1991

Địa chỉ: KDC N, phường H, quận C, TP. Cần Thơ.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện Phan Ngọc T trình bày:*

Anh T và chị Trương Thị Phương H tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên cự cải do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện tại cả

hai đã sống ly thân với nhau và không còn tình cảm nữa. Anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn chị Trương Thị Phương H khai nhận:* Chị và anh Phan Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại cả hai không còn tình cảm với nhau, chị đồng ý với yêu cầu của anh Phan Ngọc T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với Trương Thị Phương H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Phan Ngọc T và chị Trương Thị Phương H chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay Anh T có yêu cầu không công nhận anh với chị H là vợ chồng. Chị Trương Thị Phương H có hộ khẩu thường trú tại KDC N, phường H, quận C, TP. Cần Thơ. Quan hệ này do Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thụ lý theo khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: anh Phan Ngọc T và chị Trương Thị Phương H tìm hiểu và tổ chức đám cưới chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cả hai  dần phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung.

Hiện tại cả hai không còn tình cảm với nhau. Anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị H. Xét thấy, anh T, chị H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quan hệ giữa anh, chị không được xem là hôn nhân hợp pháp nên yêu cầu của Anh T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với chị H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống cả hai không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh, chị xác định không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng**: khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 16, 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: không công nhận quan hệ giữa anh Phan Ngọc T và chị Trương Thị Phương H là vợ chồng.

- *Về con chung:* không có.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh, chị xác định không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: anh Phan Ngọc T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh Tđã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003467 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận* :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND quận Cái Răng;
- Chi cục THA. DS quận Cái Răng;
- Lưu HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Lê Thị Cẩm Hằng**